

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Hệ thống tự động trích xuất.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm Theo E-HSMT.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại Theo E-HSMT và được xác định trong Bản vẽ số Theo E-HSMT.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ____ <i>[ghi ngày]</i>
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ____ <i>[ghi ngày]</i> .
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ____ <i>[ghi ngày]</i> .
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Không có; - Tư vấn giám sát là: sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Các biên bản họp có đầy đủ chữ ký hợp pháp của đại diện chủ đầu tư và của nhà thầu; - Các phụ lục bổ sung hợp đồng được ký kết, Phụ lục tồn tại của Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư ... (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến

	+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. + Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là ... phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm</i> Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Các nội dung đã được quy định tại Mục 37.2 Chương I/E-HSMT; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán

	cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. - Gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng: - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 15 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.

E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ - Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 28 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của nhà thầu chính hoặc tổng thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm.</i> + Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn chịu trách nhiệm sửa chữa sai sót công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu, mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Mức bảo hiểm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của nhà thầu và đã bao gồm trong giá dự thầu. + Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các công việc, thủ tục, yêu cầu... với đơn vị bảo hiểm để bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng bảo hiểm công trình giữa Chủ đầu tư với Đơn vị bảo hiểm, hạn chế tối đa việc gián đoạn hay kéo dài tiến độ thực hiện công trình do xảy ra sự kiện bảo hiểm.

	+ Thực hiện các công việc về việc yêu cầu bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm công trình giữa Chủ đầu tư với đơn vị bảo hiểm. + Trường hợp Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm. Trường hợp tổn thất đó không được bồi thường, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục toàn bộ các tổn thất bằng chi phí của mình cho Chủ đầu tư trong thời gian muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình ngày, kể từ ngày____ tháng____ năm____ 1. Thời gian bảo hành công trình được xác định là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu. 2. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau: + Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

+ **Hình thức bảo hành:** Thư bảo lãnh của Ngân hàng (*Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành*)

+ **Bảo lãnh bảo hành:** Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng **05%** Giá trị hợp đồng.

+ **Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế thiết bị, giai đoạn bảo hành tương ứng của thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư, hoặc là ngày bên mời thầu bàn giao mặt bằng tại thực địa cho Nhà thầu và có biên bản ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp theo hợp đồng của hai bên.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án. Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng Luật áp dụng: Luật Việt Nam.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i>. - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i>.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng.

E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 50.000.000 VND.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: + Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. + Trường hợp khác (nếu có) trong quá trình thương thảo hợp đồng. + Chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công, bản vẽ, vật tư thiết bị theo đúng tiến độ cam kết. + Nhà thầu/Chủ đầu tư đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của pháp luật nhưng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết không đảm bảo quy định. + Do sự thay đổi về yêu cầu tiến độ đưa vào sử dụng công trình nhằm đồng bộ với các công trình khác/ nhiệm vụ kinh tế xã hội khác. + Trường hợp bất khả kháng: Các điều kiện để xác định sự kiện bất khả kháng, cụ thể: Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường: a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên; b) Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng; c) Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và d) Thực tế không thể quy cho bên kia.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm.</i> Vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm: Tuân thủ theo yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu về xây lắp của E-HSMT. Vật tư của Nhà thầu sử dụng cho công trình (thép chế tạo kết cấu thép, cát, đá, xi măng, cốt thép, bê tông, VTTB PCCC... phải được cung cấp đầy đủ các hồ sơ: nguồn gốc nguyên vật liệu, cam kết cung

	cấp vật tư kèm chứng chỉ kỹ thuật, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong thí nghiệm, kiểm tra và sử dụng dụng (xem chi tiết tại Chương V. Yêu cầu về mặt kỹ thuật HSMT). Đối với các vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp, Nhà thầu chịu trách nhiệm bốc dỡ từ kho lên xe trong trường hợp nhận từ kho chủ đầu tư. Ngày sau khi giao nhận vật tư thiết bị, phải có xác nhận, ký tên, đóng dấu của người đại diện pháp luật của Nhà thầu. Đối với công tác thử nghiệm, nghiệm thu kết cấu thép (nếu có): Nhà thầu cần thông báo lịch nghiệm thu cho Chủ đầu tư trước 05 ngày để tổ chức phối hợp với các đơn vị liên quan. Mọi chi phí cho đoàn nghiệm thu (vé máy bay, đi lại, ăn nghỉ...) do Nhà thầu chịu và đã bao gồm trong giá chào thầu. Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ kho bãi để tiếp nhận vật tư chuẩn bị thi công. Vật tư sau khi tiếp nhận và lưu kho của Nhà thầu phải được bảo quản đầy đủ để đảm bảo chất lượng khi đưa vào thi công. Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới cách dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: _____ [ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm</i> 1. Tạm ứng Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị Hợp đồng (không bao gồm thuế VAT) đã ký, theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, trong vòng 14 ngày khi nhà thầu xuất trình đủ các chứng từ sau: - Văn bản yêu cầu tạm ứng. - Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo Mẫu số 15 Chương VIII) trong phụ lục của Hợp đồng này.

	- Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng (Theo Mẫu số 16 Chương VIII) với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực từ khi phát hành cho đến thời gian 30 ngày khi Chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng. - Biên bản bàn giao mặt bằng thi công. 2. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. 3. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: - Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. 4. Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. - Thời gian tạm ứng: Theo nội dung nêu trên.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm</i>

	Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng sau này, dựa trên nguyên tắc thanh toán như sau: Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện một lần sau khi nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm theo hợp đồng với giá trị bằng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng (nếu có). Trường hợp không thể xác định được chi tiết giá trị hoàn thành tương ứng với từng hạng mục công việc hoặc giai đoạn nghiệm thu hoàn thành thì có thể quy định thanh toán theo tỷ lệ phần trăm (%) giá trị hợp đồng. Hồ sơ thanh toán, Hình thức và thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 95% giá trị quyết toán cho Bên B và trừ đi phần tạm ứng sau khi bên A được PTC1 cấp vốn, nhận đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ trong vòng 14 ngày làm việc, hồ sơ bao gồm:. - 06 bộ hồ sơ nghiệm thu cho hạng mục. - 06 bộ quyết toán được ký cho hạng mục. - Biên bản bàn giao bản vẽ hoàn công của công trình: 06 bộ - Hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Pháp luật. - Biên bản thanh lý hợp đồng được ký giữa hai bên. - Giấy bảo lãnh bảo đảm bảo hành - Giấy đề nghị thanh toán. - Văn bản chấp thuận thanh toán của bên A. Giá trị còn lại của quyết toán sẽ được thanh toán sau khi có phê duyệt quyết toán hạng mục. + Đối với các hạng mục công việc của công trình, trường hợp Chủ đầu tư/Bên A nhận thấy nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu tiến độ, chất lượng, tùy theo tình hình thực tế Chủ đầu tư/Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện phần công việc đó. Việc chỉ định nhà thầu khác là quyền của Chủ đầu tư/Bên A, Nhà thầu xây lắp (Bên B) phải chấp thuận và chịu các chi phí phát sinh do việc thay thế nhà thầu này. Phần khối lượng cắt chuyển do Chủ đầu tư/Bên A tính theo đơn giá lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành của cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thi công và trừ vào giá trị thực hiện của Bên B theo Hợp đồng. + Sau khi hoàn thành các hạng mục công việc trên công trường, Bên B phải kịp thời hoàn nguyên và hoàn trả lại toàn bộ mặt bằng theo
--	---

	tiến độ được Chủ đầu tư/Bên A yêu cầu. Kết quả hoàn nguyên, hoàn trả mặt bằng phải được xác nhận của chính quyền địa phương cơ sở (tùy quy mô tính chất của gói thầu và theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT (nếu có)). Khi nhà thầu chậm công tác hoàn nguyên, hoàn trả mặt bằng làm ảnh hưởng đến môi trường, xã hội, đời sống dân sinh, Chủ đầu tư/Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện phần công việc đó. Phần khối lượng cắt chuyển do Chủ đầu tư/Bên A tính theo đơn giá lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành của cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thi công và trừ vào giá trị thực hiện của Bên B theo Hợp đồng.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: được phép <i>“trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”]</i>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% chờ quyết toán hạng mục.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: sẽ được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: <i>Tham chiếu đến tệp tin đính kèm.</i> a) Mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng: + Chậm 20 ngày đầu (01-20 ngày) phạt 2% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Chậm mỗi ngày tiếp theo phạt thêm 0,4% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; + Tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Nếu giá trị phạt vượt quá giới hạn tối đa (12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm), chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng và tịch thu bảo đảm thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm tạm ứng.

b) Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên:

- Kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt được cập nhật trên phần mềm quản lý đầu tư xây dựng của EVN là căn cứ để xác định. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ <http://dauthau.evn.com.vn> để nắm bắt được các thông tin:

- + Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.

- + Quy định của Tập đoàn về việc áp dụng kết quả đánh giá.

- Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian 01 tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

- Nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của nhà thầu.

- Nếu nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền Bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của nhà thầu mà không cần bất cứ lý do gì của nhà thầu.

- Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

- Nhà thầu được thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư, phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại và pháp luật có liên quan về thời hiệu khiếu nại. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.

c) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng:

Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của

	Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Ngoài quy định về phạt vi phạm, hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: _____ <i>[ghi thời gian bàn giao công trình]</i> .
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ <i>[ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công]</i> .
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 50.000.000 VND.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.